

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu dầu khí và chứng khoán với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

IDC, HSG

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Báo cáo chiến lược Quý 4 2023

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi và ưu tiên việc giảm vị thế ngắn hạn về mức an toàn trong trường hợp VNIndex hồi phục sớm lên vùng kháng cự đã đề cập.

09/10/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,137.36	+0.78
VN30	1,150.37	+0.93
HĐTL VN30F1M	1,145.00	+0.58
HNXIndex	233.55	+1.35
HNX30	490.01	+2.05
UPCoM	86.89	-0.36
USD/VND	24,371	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.88	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.92	-8
Dầu (WTI, \$)	85.35	+3.09
Vàng (LME, \$)	1,851.74	+1.02



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,137.36 (+0.78%)  
**KLGD (triệu CP)** 537.7 (+0.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 565.0 (+7.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu dầu khí và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại FUEVFVND (+1.05%), VIC (-1.63%), POW (+0.00%).

**HNXIndex** 233.55 (+1.35%)  
**KLGD (triệu CP)** 84.7 (+0.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 61.9 (+14.3%)

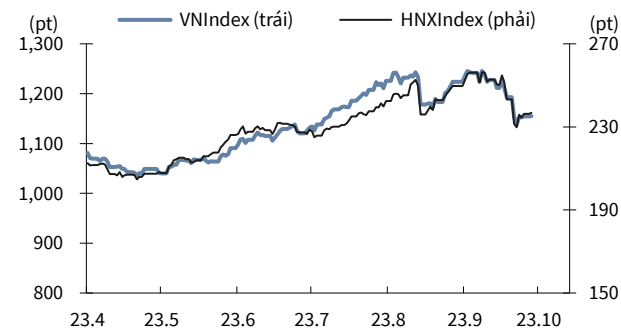
Giá dầu thô WTI của Mỹ tăng 3.8% lên 85.92 USD/thùng vào lúc 6h46 (giờ Việt Nam), trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 12 tăng 3.26% lên 87.34 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở PSH(+6.85%), PVC(+6.75%).

**UPCoM** 86.89 (-0.36%)  
**KLGD (triệu CP)** 48.0 (+0.0%)  
**GTGD (triệu U\$)** 21.0 (+2.7%)

Chỉ số vận tải đường biển Baltic Dry, đo lường chi phí vận chuyển hàng khô trên toàn thế giới có xu hướng hồi phục trở lại kể từ đầu tháng 09/2023 và đang ở mức cao nhất từ đầu năm đến nay. Cổ phiếu ngành cảng biển tăng giá ở GMD(+1.69), DVP(+0.47%).

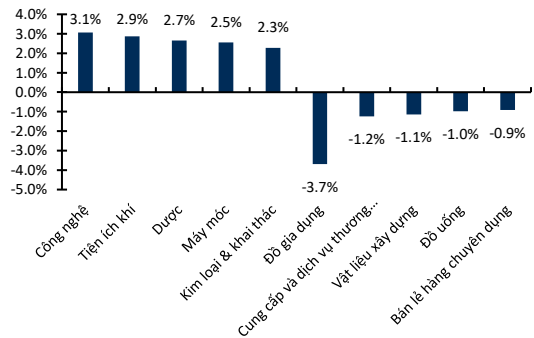
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -29.4

VNIndex & HNXIndex



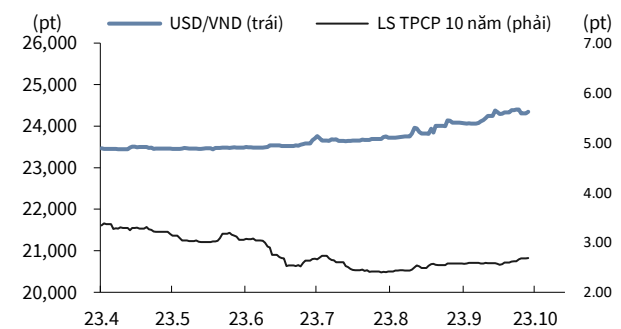
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

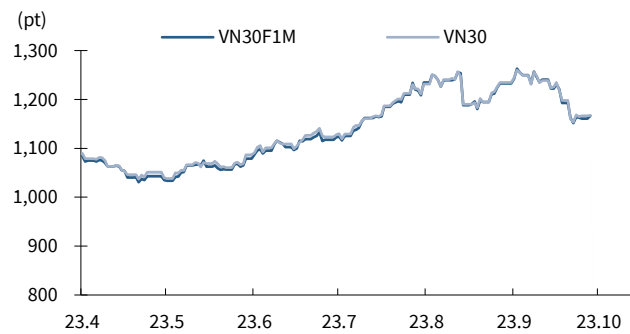
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,150.37 (+0.93%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,145.0 (+0.58%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,136.4</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,148.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,132.5</b>

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2310 và VN30 mở cửa tại mức -4.68, sau đó biến động quanh mức -4.25 điểm và đóng cửa tại -5.37 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

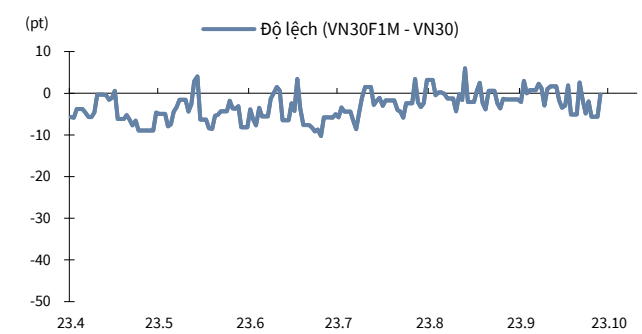
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>223,297 (-7.8%)</b>
------------------	------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



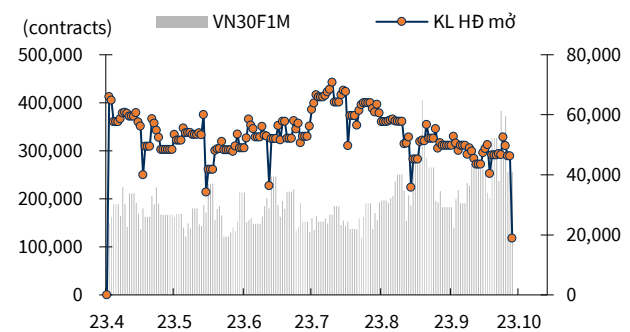
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



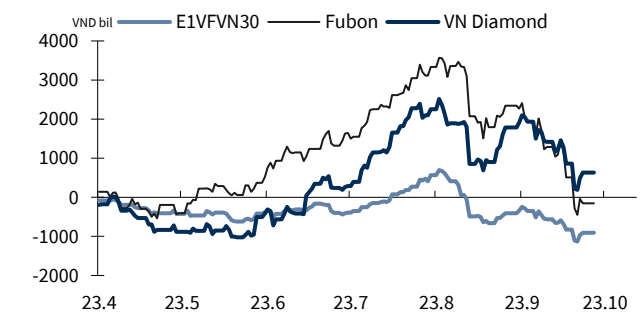
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

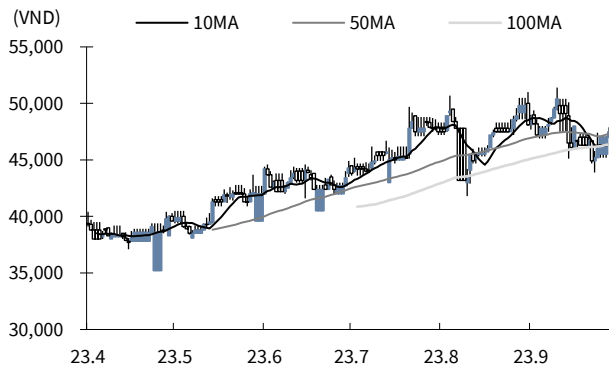
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng công ty IDICO – CTCP (IDC)

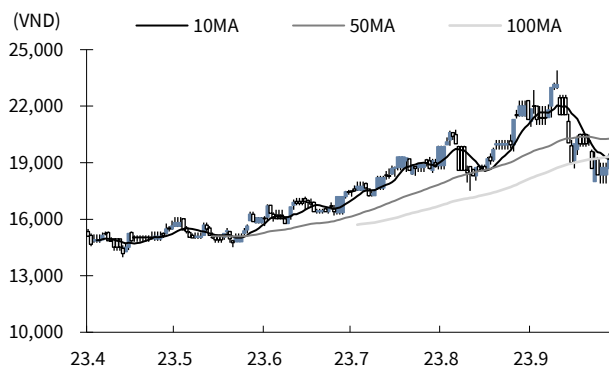


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- IDC tăng 1.06% lên 47,500 VND/cp

- Công ty TNHH Kinh doanh và cho thuê nhà Tân Bách Việt vừa đăng ký mua 6 triệu cổ phiếu IDC của Tổng Công ty Idico, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 10/10 - 9/11 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Nếu hoàn tất đăng ký, Tân Bách Việt sẽ nâng tỷ lệ sở hữu từ 1.69% lên 3.51% vốn điều lệ. Nửa đầu năm 2023, IDC đạt doanh thu 3,554 tỷ đồng (-29% YoY) và lợi nhuận trước thuế 1,040 tỷ đồng (-52% YoY).

## CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 3.2% lên 19,350 VND/cp

- Ông Nguyễn Văn Chiến, em rể ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch CTCP Tập đoàn Hoa Sen vừa thông báo đã bán xong toàn bộ hơn 10.7 triệu cổ phiếu HSG (1.74% vốn điều lệ) từ ngày 14/9-5/10. Sau giao dịch, ông Chiến không nắm giữ cổ phiếu nào tại Hoa Sen. Luỹ kế 9 tháng đầu năm niên độ tài chính 2022-23, HSG ghi nhận doanh thu 23,544 tỷ đồng (-44% YoY) và lỗ ròng 410 tỷ đồng (-137% YoY).

# Triển vọng TTCK 4Q2023

## Động lực tăng trưởng bị thử thách

**Triển vọng TTCK Việt Nam trở nên kém tích cực hơn trong quý 4** khi mà áp lực lạm phát, tỷ giá đã quay trở lại. Việc đồng USD mạnh lên, lợi suất TPCP Mỹ tăng vọt, giá cả hàng hoá hồi phục kéo theo lạm phát toàn cầu dai dẳng đang tác động lên TTCK Việt Nam nói riêng và TTCK toàn cầu nói chung. Với những diễn biến mới của lạm phát và tỷ giá, chính sách điều hành của NHNN đã có sự thận trọng hơn với động thái hút ròng liên tiếp thông qua việc phát hành tín phiếu và hoàn toàn có thể có thêm các động thái mới nếu tỷ giá, lạm phát không sớm hạ nhiệt. Điều này khiến động lực tăng trưởng của thị trường trong 9 tháng đầu năm, đến từ chính sách tiền tệ nới lỏng, đã bị suy yếu ở thời điểm hiện tại, qua đó thúc đẩy chúng tôi điều chỉnh vùng giá hợp lý của VNIndex thời điểm cuối năm.

**Theo đó, chúng tôi hạ dự phóng chỉ số VNIndex thời điểm cuối năm 2023 xuống 1,160 điểm (từ mức 1,240 đưa ra thời điểm đầu năm)**, chủ yếu phản ánh các lo ngại liên quan đến lạm phát, tỷ giá tác động tiêu cực lên xu hướng mặt bằng lãi suất, và môi trường đầu tư toàn cầu không thuận lợi. Cụ thể hơn, chúng tôi tăng nhẹ mức tăng trưởng EPS bình quân của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX ở mức 1% trong khi hạ mức P/E mục tiêu cho năm 2023 xuống 14.5 lần (từ mức 15.5 lần trong báo cáo gần nhất) nhằm phản ánh rủi ro ngoại biên gia tăng trong khi môi trường chính sách trong nước bớt thuận lợi.

**Điểm tựa nâng đỡ chính cho thị trường trong 3 tháng cuối năm đến kỳ vọng nền kinh tế đã đi qua vùng đáy ở 2 quý đầu năm và sẽ phục hồi rõ nét hơn trong quý 4**, nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và NHNN xuyên suốt từ đầu năm đến nay. Theo đó, KQKD các doanh nghiệp niêm yết sẽ dần quay trở lại xu hướng tăng trưởng, đặc biệt trong quý 4. Từ đó giúp tổng lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết cả năm 2023 gần như đi ngang so với cùng kỳ dù có sự sụt giảm mạnh trong 2 quý đầu năm. Ngoài ra, việc triển khai hệ thống KRX, sự hồi phục của giá hàng hoá nguyên vật liệu thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các nhóm ngành liên quan, cùng sự khởi sắc ở lĩnh vực xuất khẩu cũng là các yếu tố hỗ trợ thị trường.

Đối với triển vọng ngành trong nửa cuối năm, bộ phận phân tích doanh nghiệp của chúng tôi đánh giá tích cực với các ngành BĐS KCN, đầu tư công, điện, công nghệ thông tin, thủy sản và dầu khí (xem thêm phần VI. Triển vọng ngành)

Trần Đức Anh

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường  
anhtd@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công

Chuyên viên chiến lược đầu tư  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến

Chuyên viên chiến lược đầu tư  
tienss@kbsec.com.vn

Hồ Đức Thành

Chuyên viên vĩ mô  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên

Chuyên viên vĩ mô

06/10/2023

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

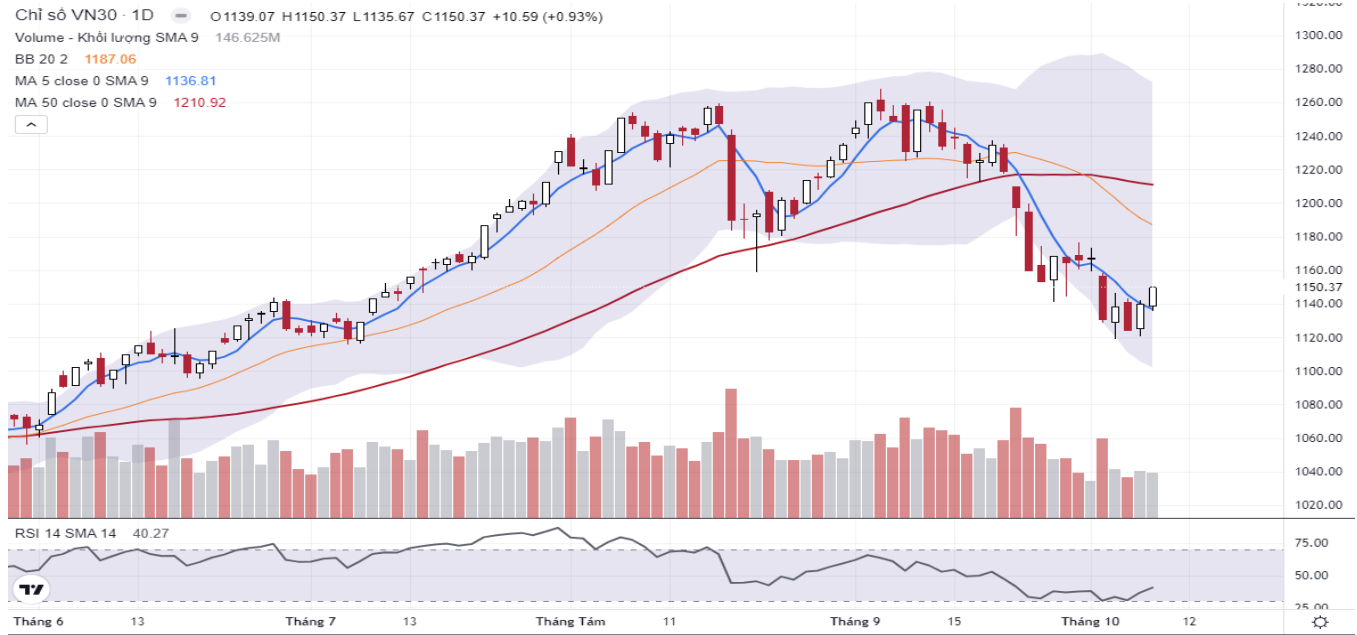
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên trước khi tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Lực mua chủ động tiếp tục gia tăng áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số mở rộng nhịp hồi phục tích cực từ vùng đáy 1106-1110. Trong kịch bản tích cực, VNIndex được dự báo sẽ tiếp tục hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 1160 (+10) trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi và ưu tiên việc giảm vị thế ngắn hạn về mức an toàn trong trường hợp VNIndex hồi phục sớm lên vùng kháng cự đã đề cập.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1174 – 1179

Kháng cự gần: 1159 – 1163

Hỗ trợ gần: 1135 – 1139

Hỗ trợ xa: 1122 – 1126

- F1 diễn biến giằng co trong phiên trước khi tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Lực mua chủ động tiếp tục gia tăng áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số mở rộng nhịp hồi phục tích cực từ vùng đáy 1115-1120. Trong kịch bản tích cực, F1 được dự báo sẽ tiếp tục hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 1160 (+10) trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò từng phần vị thế SHORT tại các vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

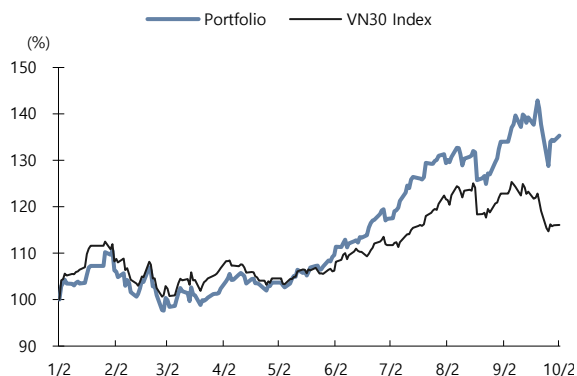
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giữ định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.93%	1.18%
Tăng lũy kế (YTD)	14.44%	36.46%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/10/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	13,900	0.4%	-6.7%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
Coteccons (CTD)	02/10/2023	51,700	0.4%	8.2%	- Hạch toán doanh thu, lợi nhuận từ dự án LEGO vào cuối Quý 4/2023 - Lượng tiền mặt lớn so với các đối thủ khác - Nguồn backlog đảm bảo doanh thu
Kinh Bắc (KBC)	02/10/2023	31,650	0.0%	-2.0%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Tràn Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	26,500	2.7%	3.9%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	22,350	0.2%	-10.1%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	20,500	-1.4%	1.5%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hướng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	40,550	3.7%	13.4%	- Đã giảm giá cước vận tải kì vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Vinhomes (VHM)	02/10/2023	47,000	2.1%	2.7%	- Tiếp tục mở rộng quỹ đất tại các dự án ở Hải Phòng, Long An, Khánh Hòa - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ - Tiến độ mở bán các dự án quy mô nhỏ tiến triển tốt
PV Power (POW)	02/10/2023	11,200	0.0%	-4.7%	- Các nhà máy của POW hoàn thành sửa chữa và đại tu trong 2023 - Giá cổ phiếu chiết khấu sâu so với mức định giá
Petro Technical (PVS)	02/10/2023	38,200	3.8%	0.8%	- Kỳ vọng mảng M&C dầu khí nội địa sôi động hơn từ 2024 - Lợi thế cạnh tranh trong mảng M&C năng lượng tái tạo

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	3.2%	8.5%	14.2
HPG	2.2%	55.2%	6.6
KDH	0.0%	22.4%	6.2
DCM	5.4%	25.1%	5.5
NT2	1.9%	43.4%	4.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	1.1%	96.9%	-151.9
VIC	-1.6%	12.3%	-87.1
POW	0.0%	35.1%	-69.9
FRT	-1.5%	41.6%	-32.5
BWE	-0.2%	17.3%	-28.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.1%	1.2%	10.3
PVS	3.8%	0.6%	2.1
BVS	0.4%	5.0%	0.7
TIG	2.9%	0.2%	0.6
VIG	2.6%	4.6%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.5%	15.3%	-6.1
DTD	-1.1%	20.5%	-3.8
SHS	1.7%	0.7%	-1.7
NVB	0.9%	7.5%	-0.6
MBS	1.8%	0.2%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	6.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hóa chất	3.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Công nghệ	2.5%	FPT, CMG, ELC
Máy móc	2.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dược	1.7%	DHG, IMP, TRA, DBD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-5.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	-4.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-4.1%	TNH, JVC, VMD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.1%	TLG, ILB, APC, ST8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	4.5%	CKG, PSH, NHH, ABS
Hóa chất	3.0%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tiện ích khí	2.3%	GAS, PGD, PMG
Đồ gia dụng	1.5%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	0.5%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-16.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Quản lý & phát triển bất động sản	-16.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Thương mại & phân phối	-15.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ uống	-12.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Kim loại & khai thác	-11.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	636,723 (26.2)	22.5	50.8	57.2	14.7	3.6	3.6	1.5	1.5	-1.6	-3.6	-23.5	-16.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	296,135 (12.2)	26.6	6.0	5.5	35.9	20.6	18.7	1.2	1.0	2.1	2.7	-13.0	-2.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	113,500 (4.7)	17.8	14.8	14.0	-7.6	11.9	11.4	1.6	1.5	-1.5	0.7	-8.6	2.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	627,591 (25.9)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.8	0.8	3.2	-6.8	-34.8	2.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	41,031 (1.7)	11.6	24.4	21.6	13.7	8.2	8.2	1.8	1.7	0.0	-0.2	-10.4	22.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	401,051 (16.5)	13.9	31.1	33.1	-	3.7	3.4	1.1	1.1	3.6	-9.2	-23.5	35.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	110,958 (4.6)	6.3	14.3	12.1	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	-0.9	-2.2	-5.5	24.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	45,785 (1.9)	12.7	10.7	8.5	-5.3	19.2	19.8	1.8	1.5	-0.6	-4.6	-10.7	8.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	161,088 (6.6)	0.0	6.2	4.9	14.3	15.0	16.3	0.9	0.7	0.2	-3.2	-9.2	24.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	192,440 (7.9)	1.4	8.1	6.6	50.3	16.7	17.5	1.1	1.0	1.6	-2.7	-9.8	7.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	347,986 (14.3)	0.0	10.8	8.1	18.8	10.6	11.5	1.2	1.1	2.1	-1.8	-1.8	19.6
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	210,240 (8.7)	0.0	4.9	4.2	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	0.8	-1.6	-4.2	23.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	153,382 (6.3)	4.2	5.7	4.1	23.3	21.2	24.3	1.1	0.9	-0.3	-0.3	-1.7	22.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	665,667 (27.4)	14.0	8.3	5.2	26.5	18.0	23.2	1.3	1.0	0.8	1.1	-4.0	38.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	116,371 (4.8)	0.0	4.8	4.1	37.4	19.1	19.3	1.0	0.9	0.3	-3.7	-13.1	11.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	153,219 (6.3)	0.2	15.6	9.5	27.3	10.4	15.7	1.4	1.3	1.5	-2.3	-19.9	-12.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	25,422 (1.0)	21.0	16.5	15.7	15.8	9.3	9.4	1.5	1.4	0.7	-0.1	-7.6	-9.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	3,400 (0.1)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-0.8	-0.8	-10.9	20.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,075,879 (44.3)	55.4	28.0	22.8	-3.2	8.1	9.7	2.2	2.2	0.8	3.4	-1.6	87.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	266,141 (10.9)	71.9	25.6	19.1	-4.0	10.5	13.6	2.7	2.5	3.8	-3.1	-13.6	74.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	226,627 (9.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.2	-1.9	-10.3	52.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	685,522 (28.2)	27.2	22.5	16.8	36.3	7.9	10.2	1.8	1.7	3.3	2.4	-8.7	60.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	183,423 (7.6)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.7	31.8	5.4	5.5	-0.7	-2.5	-7.9	-3.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	46,808 (1.9)	36.9	19.2	17.4	7.3	19.4	19.7	3.5	3.1	-1.1	-5.8	-14.3	-17.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	144,761 (6.0)	16.5	53.2	31.0	-51.9	7.7	11.9	3.8	3.4	1.1	-5.0	-10.1	-21.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	11,054 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	0.8	-9.1	-8.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	110,907 (4.6)	11.0	55.7	25.5	-88.5	6.4	13.2	3.3	2.8	0.1	-1.4	-4.2	-11.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	113,074 (4.7)	10.8	9.8	17.7	-57.0	29.3	12.4	2.3	2.1	1.7	1.2	2.0	45.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	220,874 (9.1)	38.4	36.5	23.3	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	2.5	-7.3	-21.2	42.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	536,002 (22.1)	37.7	24.1	16.1	-14.4	3.5	6.7	-	-	0.5	-0.7	-20.4	64.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	54,738 (2.3)	3.6	24.3	20.9	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.7	0.4	8.2	3.2	109.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	43,566 (1.8)	0.0	9.4	8.2	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	-0.5	-2.5	-3.3	-0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	56,749 (2.3)	46.1	15.4	14.6	-17.5	18.9	16.6	3.0	2.8	2.9	-3.0	1.7	2.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,704 (0.9)	31.4	11.6	9.3	-10.5	13.4	16.4	1.5	1.5	1.9	-1.0	-16.4	-14.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,502 (0.1)	34.1	16.3	9.2	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	1.8	0.0	-4.7	11.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	740,280 (30.5)	18.0	20.9	10.9	21.9	7.5	13.3	1.5	1.3	2.2	-2.7	-11.3	41.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	155,088 (6.4)	36.5	12.2	8.5	-0.5	9.4	14.0	1.2	1.2	3.8	4.5	-2.3	-8.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	176,386 (7.3)	46.5	14.8	9.4	-4.5	12.0	17.6	1.6	1.5	5.4	9.9	9.6	40.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	293,003 (12.1)	38.9	-	20.5	67.9	1.1	5.8	1.1	1.0	3.2	-3.7	-12.0	72.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	40,613 (1.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	-2.8	-15.8	35.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	47,517 (2.0)	4.6	14.7	13.2	-51.0	12.6	12.4	1.7	1.6	2.0	-4.8	-9.4	12.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	117,470 (4.8)	39.9	37.1	22.5	-11.9	4.4	7.3	1.0	1.0	2.7	1.9	0.2	48.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	155,939 (6.4)	35.9	9.7	9.3	2.2	15.3	14.2	1.3	1.2	1.8	-1.6	17.1	27.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	405,577 (16.7)	0.0	59.0	17.0	14.4	3.2	14.9	2.9	2.6	-0.7	-7.6	-13.6	11.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	39,924 (1.6)	0.0	14.8	12.7	2.4	20.3	21.1	2.8	2.5	2.6	1.4	-4.8	-11.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,385 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.9	28.2	24.3	83.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	78,371 (3.2)	30.3	-	27.6	-75.2	-12.4	23.8	6.4	5.2	-1.5	6.7	11.6	60.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	23,777 (1.0)	34.6	13.4	16.6	41.2	15.2	12.2	1.9	1.9	-0.2	0.9	-3.1	23.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,550 (0.1)	45.4	14.1	13.2	10.7	25.4	23.8	3.3	2.8	4.0	2.9	0.3	43.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	256,904 (10.6)	0.0	20.1	16.1	15.5	26.8	28.5	5.0	4.9	3.1	2.6	-2.0	43.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.